

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K T
TỈNH K T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST
Ngày 28 - 3 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K T, TỈNH K T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Vũ (Giáo viên);
2/ Ông Phạm Văn Tiên (Giáo viên).
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký TAND thành phố K T, tỉnh K T.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, tỉnh K T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K T, tỉnh K T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2025/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. A N, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2008 tại K T; trú tại: Thôn 8, xã Đ, thành phố K T, tỉnh K T; nghề nghiệp: Làm nông; học vấn: 9/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A N H, sinh năm 1979 và bà Y H, sinh năm 1985; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2024 đến nay, có mặt.

2. A P, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2007 tại K T; trú tại: Thôn 8, xã Đ, thành phố K T, tỉnh K T; nghề nghiệp: Làm nông; học vấn: 9/12; dân tộc: Hà Lãng (Xơ Đăng); giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Ph, sinh năm 1983 và bà Y Hk, sinh năm 1985; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2024 đến nay, có mặt.

- **Đại diện hợp pháp của bị cáo A N:** Ông A N H, trú tại: Thôn 8, xã Đ, thành phố K T, có mặt.

- **Bào chữa cho 02 bị cáo:** Luật sư Tạ V n và bà Đặng Thị K N- Trợ giúp viên pháp lý, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh A EL, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 8, xã Đ, thành phố K T- K T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 28/10/2024 trên đường Trần Đại Nghĩa, đoạn thuộc Tổ 5, phường N T, thành phố K T, Công an phường N T tiến hành kiểm tra hành chính đối với bị cáo A N và bị cáo A P, phát hiện A P cất giấu trong túi áo khoác 01 bì ni lông trong suốt được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy, nên lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ 01 bì ni lông trong suốt được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng và 01 xe mô tô BKS 82B1-453.06.

Bị cáo A N khai nhận: 01 bì ni lông trong suốt hàn kín, bên trong có chất tinh thể rắn màu trắng bị thu giữ nêu trên là ma túy của người có tên C nhờ bị cáo lấy giùm. Nội dung cụ thể như sau: Khoảng 13 giờ ngày 28/10/2024, A N và một số thanh niên đang nhậu trên bờ đập Tân Điền thôn 6, xã Đ, thành phố K T, thì người có tên C (*Không rõ nhân thân lai lịch*) đến nhậu cùng và đưa cho A N 20.000 đồng nhờ đi lấy gói ma túy đá tại chân bảng màu vàng gần khách sạn Tân Phú 1, phường Lê Lợi, thành phố K T. A N đồng ý cầm 20.000 đồng đi đổ xăng và điều khiển xe mô tô biển số 82B1-453.06 (Xe mượn của anh A EL) đến nhà A P rủ đi nhậu, trên đường đi A N chở A P đến địa điểm lấy ma túy. Đến nơi A P đứng ở ngoài, A N đi bộ vào lấy 01 gói ma túy ra đưa cho A P và nói “*cầm đi*”, A P cầm gói ma túy và hỏi “*Cái này của ai*” (*Gói ma túy này của ai*), A N trả lời “*lấy hộ cho người ta*”, nên A P cất gói ma túy vào túi áo khoác. A N điều khiển xe chở A P đi giao ma túy cho C thì bị Công an phát hiện bắt giữ.

Bị cáo A P thừa nhận lời khai trên của A N về việc A N đến nhà rủ A P đi nhậu, trên đường đi A N chở A P đến địa điểm lấy gói ma túy như nội dung trên.

Tại kết luận giám định về ma túy, kết luận: Chất tinh thể rắn màu trắng thu giữ của A P là ma túy Methamphetamine, khối lượng: 0,155 gam (sau giám định còn: 1,50 gam).

Tại Cáo trạng số: 35/CT-VKSTPKT ngày 04/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T truy tố hai bị cáo về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” điểm c khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 58, 90, 91 và Điều 101 của BLHS. Xử phạt A P và A N mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Đề nghị xử lý vật chứng và buộc hai bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa: Ông Nghiệp và bà Nguyệt cùng đồng ý với luận tội của đại diện VKS. Tuy nhiên, khi phạm tội hai bị cáo là người chưa thành niên, chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nhận thức chưa chín chắn, dễ bị rủ rê lôi kéo, kích động làm những việc sai trái, phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất mà VKS đề nghị, nhằm giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm.

Ông A N H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A N.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hai bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] *Xét hành vi bị truy tố:* Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 28/10/2024 trên đường Trần Đại Nghĩa, đoạn thuộc Tổ 5, phường N T, thành phố K T, bị cáo A P và bị cáo A N đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 0,155 gam ma túy Methamphetamine cho đối tượng tên C không rõ nhân thân lai lịch. Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo là có căn cứ đúng luật.

[2] *Xét về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm Luật phòng chống ma túy, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn và tội phạm. Hai bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

Hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở quyết định hình phạt, cần phân hóa vai trò tham gia đồng phạm như sau: A N tham gia tích cực nhất, nhận lời đi lấy ma túy cho C, trực tiếp chở A P đi lấy ma túy, nên có vai trò thứ nhất trong đồng phạm. A P nhận gói ma túy từ A N, rồi cất giấu vào túi áo để cùng A N vận chuyển cho C, nên bị cáo có vai trò thứ hai trong đồng phạm.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:*

- Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.
- Hai bị cáo có nhân thân tốt.

[4] Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo; xét thực trạng tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố K T hiện nay. Cần xử phạt nghiêm minh, cách ly hai bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Khi phạm tội, hai bị cáo đều là người chưa thành niên (A N **16** năm **05** tháng **22** ngày tuổi; A P **17** năm **08** tháng **16** ngày tuổi) ở tuổi này hai bị cáo đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện về thể chất, tâm sinh lý và nhận thức; chưa phát triển đầy đủ toàn diện về trí tuệ, tinh thần, nhân cách; hạn chế về kiến thức pháp luật, xã hội và kinh nghiệm sống, dễ bị tác động, xúi giục lôi kéo vào con đường phạm tội và **phạm tội do bị rủ rê xúi giục**. Nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 90, 91 và Điều 101 BLHS, để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo. A N có vai trò tích cực, nhưng ít tuổi hơn A P, nên mức hình phạt áp dụng cho hai bị cáo là ngang nhau. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

[5] *Các vấn đề khác:*

5.1. *Xử lý vật chứng:*

- 0,150 gam ma túy Methamphetamine là chất cấm tàng trữ, cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

- Anh A EL không có lỗi trong việc các bị cáo sử dụng xe mô tô 82B1-453.06 đi lấy ma túy, nên trả lại xe cho anh A EL.

5.2. *Về án phí:* Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. A N là người chưa thành niên và không có tài sản, nên ông A N H phải nộp thay tiền án phí cho A N.

5.3. A N khai đối tượng tên C nhờ đi lấy ma túy. Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **A P** và bị cáo **A N** phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 58, 90, 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **A P: 18** (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (**09/12/2024**).

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 58, 90, 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **A N: 18** (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (**27/12/2024**).

2.3. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.1. *Tịch thu tiêu hủy:* **0,150** (Không phải một năm mươi) gam ma túy Methamphetamine được đựng trong 01 bì ni lông, 01 bì ni lông trong suốt và 01 phong bì đựng mẫu vật gửi giám định, tất cả được niêm phong trong 01 phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH K T PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 419/KL-KTHS”; mặt sau có các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ* CÔNG AN TỈNH K T” và có các chữ ký ghi tên của những

người tham gia niêm phong tại mép dán.

3.2. Trả lại cho ông A EL: Xe mô tô biển số 82B1-453.06.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 /3/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố K T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K T.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A P và bị cáo A N mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ông A N H chịu trách nhiệm nộp thay 200.000 đồng tiền án phí cho bị cáo A N.

5. Quyền kháng cáo: Hai bị cáo, người bào chữa và đại diện hợp pháp của bị cáo A N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/3/2025). Người liên quan liên quan vắng mặt thì hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K T;
- VKSND tỉnh K T;
- VKSND Tp. K T;
- Sở tư pháp tỉnh K T;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K T;
- Chi cục THADS Tp. K T;
- Những người tham gia tố tụng;
- L- u HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài

